

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-PT
Ngày 26 – 9 – 2020
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua
Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về “Ly hôn” do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo T1, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Số nhà XYZ ấp A, xã PL, huyện GT, tỉnh B;
Hiện đang tạm trú: Số AAB/AN khu phố X, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT;
có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Huyền Anh T2, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Số nhà XAB, khu phố BK, phường X, thành phố B, tỉnh BT; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Bảo T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Bảo T1 trình bày:

Ông và bị đơn là bà Nguyễn Huyền Anh T2 kết hôn vào năm 2018, hôn nhân do cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố BT, tỉnh BT. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp nhau, cụ thể: Do đặc thù công việc ông phải giao tiếp, phối hợp cùng những đồng nghiệp nữ chung cơ quan thì Bà T2 khó chịu, ghen tuông với ông; Bà T2 thấy người ta đầu tư thì đòi đầu tư theo người ta trong khi ông và Bà T2 thu nhập chưa cao, chưa có khả năng đầu tư; trong cuộc sống gia đình Bà T2 muốn một mình quyết định mọi thứ, không biết chăm lo cho gia đình. Hai ông bà đã ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nay ông xin được ly hôn với Bà T2.

Ông và Bà T2 không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Theo bản tự khai và những lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Huyền Anh T2 trình bày:

Bà T2 thống nhất với lời trình bày của Ông T1 về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc, trong quá trình sống chung, bà và Ông T1 có nói lời qua tiếng lại nhưng chỉ là mâu thuẫn trong lời nói, không có xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, bà nghe chuyện Ông T1 đi với người nữ khác nên bà chỉ muốn tốt cho Ông T1 nên nói cho Ông T1 biết mà có cách cư xử tốt. Đối với việc Ông T1 cho rằng bà quyết định mọi thứ trong đó có việc bắt chước người ta đầu tư là không đúng vì bà thấy mấy anh chị trong cơ quan đầu tư tốt nên nói để vợ chồng phấn đấu học theo chứ không nhất quyết phải đầu tư kinh doanh. Trong cuộc sống vợ chồng có những việc cần quyết định bà nói ra thì Ông T1 không nói gì nên bà nghĩ là Ông T1 đã đồng ý. Trong gia đình thì bà cũng lo làm công việc nhà cùng Ông T1 vì hai vợ chồng cùng đi làm nên ai rảnh thì làm chứ không phải bà không lo cho gia đình. Bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và Ông T1 là không lớn, không trầm trọng, có thể hàn gắn được và bà vẫn còn tình cảm với Ông T1 nên không đồng ý ly hôn.

Bà và Ông T1 không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tại bản án số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bảo T1, cụ thể tuyên:

1. Bác yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bảo T1 đối với bà Nguyễn Huyền Anh T2.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T1 và Bà T2 cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn ông Nguyễn Bảo T1 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Bảo T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được ly hôn với Bà T2. Theo Ông T1 thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình ông và Bà T2 không hợp nhau, Bà T2 có thái độ và cách sống thiếu tôn trọng ông, cụ thể là do đặc thù công việc ông phải giao tiếp, phối hợp cùng những đồng nghiệp nữ thì Bà T2 khó chịu, ghen tuông; Bà T2 thấy người ta đầu tư thì cũng đòi đầu tư trong khi thu nhập của ông và Bà T2 chưa cao, chưa có khả năng đầu tư; trong cuộc sống gia đình Bà T2 muốn một mình quyết định mọi thứ, không biết chăm lo cho gia đình. Gia đình cha mẹ hai bên đã có tác động hòa giải nhưng không có kết quả. Từ ngày ông dọn ra ngoài ở riêng thì ông và Bà T2 không có liên hệ gì với nhau, cuộc sống mạnh ai nấy lo, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Ông T1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giữa ông và Bà T2 không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ, chồng từ đó xác định hôn nhân của ông và Bà T2 không lâm vào tình trạng trầm trọng là không đúng, tại do ông và Bà T2 đều là tầng lớp trí thức, hiện đang làm việc tại các Ngân hàng có uy tín nên ông bà không những phải giữ thể diện cho bản thân mà còn phải giữ gìn hình ảnh cho Ngân hàng nơi ông bà làm việc. Do đó, Ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà T2 để hai bên không còn chịu sự ràng buộc về mặt pháp lý.

Bị đơn bà Nguyễn Huyền Anh T2 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bảo T1, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Bảo T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn

ông Nguyễn Bảo T1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Bảo T1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Huyền Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Bà T2.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Bảo T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Huyền Anh T2. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Bảo T1 và bà Nguyễn Huyền Anh T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/2018 vào ngày 08/8/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn. Ông T1 và Bà T2 đã không sống chung với nhau với nhau hơn một năm, bỏ mặc nhau trong thời gian dài, được gia đình khuyên giải nhưng cũng không có kết quả. Ông T1 và Bà T2 vẫn tiếp tục sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống.

Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên Ông T1 kháng cáo và trình bày ông vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn, giữa ông và Bà T2 hiện tại không còn tình cảm vợ chồng.

Tòa án triệu tập lần thứ hai, tuy nhiên, Bà T2 bỏ mặc không tham gia. Như vậy, tuy biết ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng nhưng Bà T2 đã không có một ý kiến, bỏ mặc cho Ông T1 tự giải quyết, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của ông bà để kéo dài đời sống chung.

Về tình nghĩa vợ chồng, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Ông T1 và Bà T2 đã không sống chung với nhau với nhau

hơn một năm, hai bên không liên hệ gì với nhau, không còn tình cảm với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, vợ chồng Ông T1 và Bà T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu ly hôn của Ông T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ông T1, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông T1.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Bảo T1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bảo T1. Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Bảo T1.

Ông Nguyễn Bảo T1 được ly hôn với bà Nguyễn Huyền Anh T2. Ghi nhận Ông T1 và Bà T2 không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Bảo T1 và bà Nguyễn Huyền Anh T2 cùng khai không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Bảo T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008548 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí phúc thẩm: Trả lại cho ông Nguyễn Bảo T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011824 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND phường 6, thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THAHS;
- Lưu VP Tòa án & hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng